

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2021

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Lê Minh Toàn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:*
Không tham gia.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 47B/4, ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Huỳnh Đại P**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 47B/4, ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết tìm hiểu nhau chị và anh Nguyễn Huỳnh Đại P đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2004 tại UBND xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh P không chí

thú làm ăn để lo cho gia đình, bản thân chị đã nhiều lần khuyên ngăn anh P để cùng nhau cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được. Chị và anh P không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn nữa do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh Đại P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nguyễn Thúy V, sinh ngày 06/6/2006 và Nguyễn Nguyễn Khánh V, sinh ngày 21/10/2009. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, đồng thời không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Nguyễn Huỳnh Đại P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

- Bị đơn Nguyễn Huỳnh Đại P vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn Nguyễn Huỳnh Đại P có địa chỉ tại ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Huỳnh Đại P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Huỳnh Đại P kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Theo nguyên đơn trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau, anh P không chí thú làm ăn để lo cho gia đình, bản thân chị đã nhiều lần khuyên ngăn anh P để cùng nhau cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được. Chị và anh P không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị T xác định chị không còn tình cảm với anh P và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh P.

Xét thấy, từ năm 2017 cho đến nay chị T và anh P không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, ai biết bổn phận của người đó. Vì vậy, có căn cứ để xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Nguyễn Thúy V, sinh ngày 06/6/2006 và Nguyễn Nguyễn Khánh V, sinh ngày 21/10/2009. Hiện nay 02 con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, đồng thời không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2021, cháu Nguyễn Nguyễn Thúy V và cháu Nguyễn Nguyễn Khánh V có ý kiến trình bày hiện hai cháu đang sống chung với mẹ là Nguyễn Thị Bích T, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ cháu. Tại phiên tòa, chị T trình bày hiện tại chị làm nghề thẩm mỹ thu nhập mỗi tháng hơn 10 triệu đồng nên có đủ điều kiện kinh tế để lo cho hai con và có cha mẹ ruột của chị phụ giúp chăm sóc con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của hai cháu Thúy V và Khánh V, cũng như dựa trên nguyện vọng của hai cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao 02 cháu Nguyễn Nguyễn Thúy V và cháu Nguyễn Nguyễn Khánh V cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Nguyễn Huỳnh Đại P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T.

Cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh Đại P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Nguyễn Thúy V, sinh ngày 06/6/2006 và Nguyễn Nguyễn Khánh V, sinh ngày 21/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Huỳnh Đại P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bích T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0006468 ngày 23/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ánh Tuyết